PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

ĐỊNH LUẬT THIÊN NHIÊN CỦA VŨ TRỤ
(*PAÑCA NIYĀMA*)

Bhikkhu Nāga Mahā Thera - *Tỳ khưu Bửu Chơn*

Tác phẩm 19 trong quyển

Toàn tập

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG BỬU CHƠN

(NĀGA MAHĀ THERA)

Xuất bản năm Dl. 2016 – Pl.2559

MỤC LỤC

Lời Tựa

Hiện nay khoa học đã khám phá ra những điều mà có liên quan đến "Luật thiên nhiên của vũ trụ" như trên mặt trăng người ta có thể trồng ít thứ hoa thảo được mọc lên một cách nhanh chóng lạ thường, những hiện tượng khác lạ trên các hành tinh khác… đều để chứng tỏ đến "Luật thiên nhiên của vũ trụ" mà Đức Phật tổ Thích Ca Mâu Ni đã thuyết giảng cách đây hơn 25 thế kỷ.

"Ngũ luật thiên nhiên" hay là "Định luật tự nhiên của vũ trụ" (*pañca niyāma*) là một định luật tự nhiên có sẵn, dầu cho ai khám phá nó ra không, nó cũng vẫn có, nó không ở dưới sự điều khiển, sai khiến, chỉ huy của một vị Thần Linh hay vị Chúa Tể nào cho rằng mình có toàn năng toàn lực tạo hóa ra vạn vật như Trời Phạm Thiên (*Brahma*) hay là Đức Phật là bậc toàn giác chẳng hạn.

"Ngũ luật thiên nhiên" ấy có tánh cách tự nhiên hoạt động theo "bản tánh của nó" tùy thời gian và không gian của nó phù hợp mà phối hợp vậy thôi.

Mong rằng quý vị độc giả sau khi đọc qua quyển "Định luật tự nhiên của vũ trụ" sẽ lãnh hội một phần nào về giáo lý Phật Đà rất có liên hệ đến khoa học, mà hiện nay các khoa học gia càng khám phá ra những bí ẩn của Vũ trụ lại càng nhìn nhận và chứng minh những gì mà Đức Phật đã dạy từ lâu rồi.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nāga Mahā Thera – Tỳ khưu Bửu Chơn

Nguyên Tăng Thống Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
Xin thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, Đức Trọn Lành, Chánh Biến Tri.

Ngũ Luật Thiên Nhiên (Pañca Niyāma)

Đây xin kể về "Ngũ luật thiên nhiên": *utu niyāma* – định luật về thời tiết (nóng, lạnh); *bīja niyāma* – định luật về giống chồi, mầm và tế bào; *kamma niyāma* – định luật về nghiệp báo; *citta niyāma* – định luật về tâm thức; *dhamma niyāma* – định luật về quy phạm hay các Pháp. (Năm định luật thiên nhiên này mà các "Thần giáo" cho là "Đấng tạo hóa" hay là "Thượng Đế").

Giải rằng:

1. Định luật về thời tiết (*utu niyāma*): là định luật liên quan đến sự tiến triển các vật chất không có cơ thể (*inorganique*) như hiện tượng mưa, gió, thời tiết nóng, lạnh, xuân, hạ, thu, đông tự nhiên thay đổi. Mai, liên, cúc, đào tuần tự đua nở theo mùa tiết của nó, tự xoay tròn như kim đồng hồ. Định luật này có ai hay máy móc nào sai khiến không? Nó có tính chất tuyệt đối đối với ta không? Không – Vì nếu nhờ sự luyện tập cơ thể ta cũng có thể thoát ra khỏi vòng chi phối của nó. Như mùa đông trời lạnh thấu xương. Nhưng có người nhờ sự luyện tập yoga mà họ có thể nằm khỏa thân trong tuyết giá mà họ vẫn không hề lạnh – hoặc có người đi trên lửa mà họ không hề thấy nóng bỏng.

2. Định luật về giống chồi, mầm và tế bào (*bīja niyāma*): là định luật về sự tiến triển của những vật chất hữu cơ (*organique*) như cây cỏ, hột giống và những vật có tế bào. Do định luật này mà giống nào sinh ra giống nấy, lúa do hột lúa mà ra, vị ngọt do đường mía, mật mà ra, luật trống mái tế bào và phần tử genes trong sự thọ thai cũng do định luật này chi phối. Bīja niyāma cũng không phải là một định luật bất cưỡng lại. Ta cũng có thể xoay chuyển, kiểm soát nó được. Như trong cách trồng tỉa, ta cũng có thể chấp cành cây này qua cây kia để đổi phẩm chất hoặc số lượng của giống ấy được.

3. Định luật về nghiệp báo (*kamma niyāma*) là định luật hành vi và quả hay là "nhân quả". Nhân gieo thì trổ quả. Nhân tốt đem lại quả tốt, nhân xấu đem lại quả xấu, đó là sự tự nhiên phải trổ sanh ra như vậy chớ không do ai thưởng phạt cả. Kamma niyāma tự nhiên có năng lực tác động mà không cần đến sự kích thích. Muốn hay không muốn bên ngoài đây là định luật chung của vạn vật trong vũ trụ.

Ta thường nói "thủy lưu tại hạ", nước chảy xuống chỗ thấp, bởi chất nước luôn luôn tìm kiếm cho được sự quân bình, bằng phẳng không cần một máy móc hay nhân vật nào chỉ huy hay sai khiến, luật nhân quả cũng vậy, đã có nhân thì có quả như trả lại sự quân bình không thể tránh được, cũng như không thể ngăn hay

tránh không cho nước chảy xuống chiều thấp trước khi nó đến mức quân bình như sự tự nhiên xoay vần của mặt trời và mặt trăng vậy.

Kamma niyāma không phải là một định luật bất cưỡng mà ta có thể chuyển hướng nó được (gọi là chuyển nghiệp). Tuy rằng trong khắp cõi sa bà này không có một nơi nào mà ta có thể tránh khỏi sự tác động của nghiệp báo, nhưng ta cũng không phải bắt buộc thọ lãnh trọn vẹn. Những cái gì mà ta mang theo trong cái nghiệp của ta từ người đê hèn, độc ác cũng có thể trở nên một bậc đạo hạnh, thanh cao. Luôn luôn ta có thể trở thành một cái gì, mà cái ấy tùy sự hành động và tư tưởng của ta. Mỗi lúc ta có thể trở nên tốt hơn hay là xấu hơn. Dầu cho người tội lỗi nhất cũng không nên tuyệt vọng (như đệ tử của ĐĐ. Ca-Diếp vì không thu thúc mà phải ra đời làm nhiều điều tội lỗi phải bị đức vua bắt được và đem ra pháp trường xử trảm, trong khi đưa ra pháp trường nhờ Đại đức Ca-Diếp đến nhắc nhở mà người để tử đổi liền tư tưởng ác xấu và thất vọng nhờ niệm đề mục tham thiền rồi đắc thiền dùng thần thông bay lên hư không thuyết pháp cho đức vua nghe và sám hối tội lỗi xin được xuất gia tu hành trở lại). Hoặc người có đạo hạnh cao nhất cũng không nên cẩu thả ỷ lại (như tích đức Bồ tát tu hành rất trong sạch đã đắc thiền và được đức vua thỉnh vào đền thọ thực mỗi bữa, vì dể duôi mà phải đứt thiền hành dâm với hoàng hậu). Như vậy tốt hay xấu chỉ do một tích tắc tư tưởng và hành động mà thôi.

Ai biết được nghiệp của mình đã tàng trữ bao nhiêu xấu, bao nhiêu tốt? Nếu suy theo sự hành động hiện tại mà ta suy đoán ngay cái quả thì ai dám nghĩ rằng một người như Aṅgulimala là một tên giết người không gớm tay mà lại đắc quả A-la-hán trong kiếp ấy. Như vậy định luật nghiệp báo ta có thể chuyển được do sự tinh tấn tu tập của ta.

4. Định luật về tâm thức (*citta niyāma*) như lịch trình diễn tiến của tâm thức, sự sanh, sự diệt của tâm niệm, những tác động của tâm, những hiện tượng của thần giao cách cảm, viễn cảm, hồi thức, huệ nhãn, huệ nhĩ, tha tâm thông .v.v. đều thuộc về citta niyāma cả.

5. Định luật về quy phạm hay các pháp (*dhamma niyāma*) như hấp dẫn lực, nhẹ bay lên, nặng rơi xuống, nhẹ hút vào nặng, dị chất phản ứng, như âm dương tương phản, như hiện tượng lạ lùng xảy ra trong lúc Bồ tát giáng sanh .v.v… và các định luật tương tợ trong vũ trụ cũng nằm trong định luật này.

Như đã giải trên, năm định luật vừa kể thì tất cả hiện tượng vật chất, tâm lý, luân lý đều có thể xoay chuyển được tùy theo sự cố gắng và khả năng của ta. Còn nếu như theo các thần giáo thì cho rằng: năm định luật ấy là Đấng Tạo Hóa hay là Thượng Đế đã an bài cách nào ta phải chịu như cách ấy thì ta mặc nhiên tự mình làm mất sự cố gắng và tự chủ của mình. Như vậy thì phải chịu hoàn toàn thất vọng vì ỷ lại hay quá tin tưởng vào kẻ khác.

Đây xin giải thêm về năm "Định luật thiên nhiên" do học giả Âu châu - Ông Egerton C.Baptist bình luận và so sánh với khoa học hiện đại.

Pãnca Niyāma – năm định luật thiên nhiên mà các Thần giáo cho là Đấng Tạo Hóa.

Bây giờ, nói theo khoa học có liên quan đến Phật giáo là chúng ta có thể nhớ lại các nhà khoa học có nói cho chúng ta biết về cuộc hành trình của phi thuyền Apolo 11 rằng: Đời sống của thảo mộc phát triển trên đất của mặt trăng như trong một cái chậu cho thêm vào những đám nhúm đất nâu thẫm của mặt trăng thì những cây xanh tươi ấy "mọc lên hết sức mau lẹ, bởi vì đất mặt trăng ấy còn tinh khiết nguyên vẹn". Sự ngẫu nhiên khám phá ra này lại trùng hợp với bộ kinh Aganna sutta của Phật giáo. Trong kinh thuật lại rằng: "Đất của quả địa cầu mà chúng ta đang ở đây, trong khi mới cấu tạo đầu tiên thì có mọc những thứ lúa khi buổi sáng người ta gặt hái đem đi làm vật thực ăn thì buổi chiều trở lại mọc đầy đủ như thường". Như vậy lúa mọc lại một cách hết sức mau chóng.

Theo lời Đức Phật nói trong kinh này thì những hoa quả mọc nhanh chóng như quả địa cầu này trong lúc đầu tiên vì còn tinh khiết nguyên vẹn cũng như sự tinh khiết trên đất của mặt trăng. Như vậy thì chúng ta nhận thấy không có sự "Pha trộn thần bí" về sự tinh khiết của đất đầu tiên quả địa cầu này và sự tinh khiết của đất mặt trăng. Về sau sự mọc chậm trễ của thảo mộc trên quả địa cầu này vì sự "suy đồi và nhơ bẩn" thay đổi lần lần mà phải chậm lại.

Trong kinh còn nói thêm rằng: "… trước khi có mặt trăng, sao và hành tinh xuất hiện thì tất cả hư không vũ trụ này ở trong một thế giới tối tăm không thấy chi cả". Bây giờ đoàn phi hành của thuyền Apolo 12 có nói rằng "…Tất cả đều không có thật tế với chúng ta,… mặt trăng chỉ như một trái banh trắng hiện ra giữa cảnh hư không vĩ đại và đen tối". Cũng như Đức Phật có nói trong cảnh hư không vô tận đen tối, chỉ được sáng lên do nhờ mặt trăng, những ngôi sao và các vì tinh tú khi nào xuất hiện.

Chúng ta còn ghi nhận thêm rằng "Những nhân viên phi hành của phi thuyền Apolo 11 và 12, khi về đến quả địa cầu này phải bị dưới sự kiểm soát trong một thời gian coi họ có mang những tật bệnh chi về từ mặt trăng hay không, nhưng sau khi thời hạn kiểm soát nhận thấy họ không mang một bệnh tật chi về cả. Như vậy chứng tỏ trên mặt trăng ít có nhiều thứ bệnh, trái lại trong hiện nay trên quả địa cầu này không biết bao nhiêu là thứ bệnh mà kể. Như Đức Phật có nói sau khi kiếp hoại đến kiếp thành quả địa cầu trong lúc đầu tiên con người ít có bệnh tật chỉ có vài ba thứ bệnh thông thường mà thôi như bệnh: ước muốn, đói khát và bệnh già, các điều mà thời ấy gọi là một thứ bệnh. Trái lại sau này vì tánh xấu con người phát sanh lên giết hại lẫn nhau hoặc để ăn thịt, hoặc vì lòng sân hận mà nhiều thứ bệnh bắt đầu lần lần phát sanh lên cho đến bây giờ, chúng ta có thể nói không thể nào kể hết các thứ bệnh.

Đến đây, ý định của tôi là muốn khêu gợi sự chủ ý của độc giả, nhứt là cho sinh viên tìm hiểu Phật giáo, không phải là học và hiểu biết Phật giáo mà có thể giải quyết các vấn đề, nhưng chỉ cho thấy mau lẹ và nhận định chính xác sự thật tế của vũ trụ không về sự khám phá toàn cõi vũ trụ thật mà còn xa vời với khoa học. Như vậy con người không cần phải chờ, mất cả sự quý báu của đời người, cho đến khi nào khoa học xác định sự khám phá của vũ trụ mà Đức Phật đã khám phá ra trước đây hơn 25 thế kỷ. Sự dẫn chứng viện lý này rất cần cho người tìm hiểu chân lý.

Rất hữu ích, chúng ta cố gắng để hiểu biết người Âu châu đã tiến triển và khám phá vũ trụ được bao xa rồi, luôn cả quả địa cầu mà ta đang ở. Trước khi chúng ta có thể bàn về năm Định luật Thiên nhiên quản trị lái "chúng sanh và vạn vật" trong Thái dương hệ, cũng như trong hàng triệu vũ trụ được khám phá ra trong "vô số của vũ trụ" ở rải rác trong không gian theo quan niệm của Phật giáo. Trước hết, chúng ta xem coi người Âu châu họ có ý định gì và để hoàn thành những gì trong lãnh vực địa cầu này?

Như chúng ta biết, từ lâu rồi ông Nicholas Copernicus nhà thiên văn Ba Lan nói quả quyết rằng: "Thái dương hệ của chúng ta đây chỉ là một trong số của những ngôi sao rải rác trong khắp hư không vô tận cũng như những người Âu Châu từ từ và vững chắc tin tưởng rằng "quả địa cầu nhỏ bé của chúng ta ở trong Thái dương hệ nhỏ bé này chỉ là một chấm nhỏ trong hư không vô tận mà thôi". Bây giờ đến ông Bessel một nhà Thiên văn và toán học của xứ Prusse, mà các học sinh khoa học và thiên văn học đều biết, càng đi xa hơn là có thể đoán ra cỡ lớn và sự cách xa của những ngôi sao khác nhau, cái này đến cái kia. Như sự thay đổi hình thức và ánh sáng, có vài ngôi sao như Batelgeuse có ánh sáng vĩ đại 300 năm ánh sáng mới đến chúng ta và 400 lần lớn hơn hay 300 lần sáng chói hơn mặt trời của chúng ta. Còn nói về sự nhỏ bé lại thì vì sao tên là Van Manen's thì có 13 năm ánh sáng xa cách chúng ta và nhỏ hơn quả địa cầu này, có ánh sáng 10.000 lần yếu hơn Thái dương hệ. Nhưng cũng lần đầu ông Bessel biện hộ thẳng cho bằng chứng của ông Copernicus rằng "Mặt trời của chúng ta cũng chỉ là một vì sao nhỏ bé trong vô số vì sao rải rác trong hư không vô tận". Thật vậy, cái gọi là Dãy Ngân Hà, theo ông W Herschel, một nhà thiên văn của Anh mới khám phá ra đó là một số những vì sao tụ họp lại nhau do sự thay đổi hay di chuyển của chiều sâu và nó không phải là một dây đai do những hơi của cụm mây lan tràn ra trong hư không như chúng ta tưởng. Bây giờ chúng ta biết rằng Thái dương hệ này không phải là một vật ở trung tâm của một xã hội vĩ đại của những vì sao. Sự càng làm cho chúng ta phấn khởi là hơn nửa triệu vì sao đã được trông thấy xuyên qua ống kính viễn vọng 100 inch (ngón tay) của đài Thiên văn Mt.Wilson bên California Huê-Kỳ.

Về sự khám phá vĩ đại cách đây hơn 25 thế kỷ mà Đức Phật đã cho chúng ta và những dân chúng ở hướng đông của thung lũng con sông Hằng biết đã có ghi trong bộ kinh Phật giáo vắn tắt như sau: Đức Phật có nói "Một Thái dương chỉ chiếu sáng có một Thế giới", một ngàn Thế giới thì có một ngàn Thái dương hệ, mỗi thế giới đều có một vùng hệ thống của riêng mình. Hệ thống này gồm có một ngàn tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới làm thành một trung thế giới. Một ngàn trung thế giới làm thành một đại thế giới, như vậy trong một đại thế giới có đến một ngàn triệu Thái dương hệ. Tất cả 1.000.000.000 thế giới ấy lập thành một Vũ trụ (*universe*). Nhưng khỏi ngoài phạm vi của vũ trụ ấy ra cõi hư không vô tận còn có nhiều đại thế giới khác nữa". Trong bộ kinh khác cũng có giải tương tự như thế là: "Về hướng Tây cách đây 10 muôn triệu vũ trụ có một thế giới gọi là 'Cực lạc Thế giới'". Hơn nữa, nói về chỗ ở của Cực lạc Thế giới này như một dãy của 13 đại Thế giới. Đại Thế giới của chúng ta ở chính giữa, cách về hướng Tây, nếu kể số Thế giới tương đương những hạt bụi trong một quả địa cầu mới đến biên giới của vũ trụ thứ 13, nơi đó gọi là "Cực lạc Thế giới". Còn bộ kinh khác cũng giải tiếp thêm rằng: "Ở chính giữa một đại dương vô tận có vô số thế giới rải rác trong hư không. Số của thế giới ấy chỉ trong một dãy của Đại Thế giới thôi, cũng hằng hà sa số không lời nào mô tả hoặc kể đếm được". Trải qua vô số hệ thống Thế giới, ngoài dãy đại vũ trụ của chúng ta, ở đó có một dãy đại vũ trụ thứ nhì liên tiếp như thế ấy cho đến 20 dãy đại vũ trụ. Ở chính giữa của dãy thứ 13 là thế giới của chúng ta hiện đang ở. Ở ngoài biên giới của dãy đại vũ trụ của chúng ta là cõi "Cực lạc Thế giới". Tính như vậy trong chừng 10 vùng của hư không cũng còn có những hệ thống đại vũ trụ tương tợ và tiếp tục như thế trong 10 phương vô cùng vô tận của không gian.

Bây giờ, đã phá tan quá xa về quan niệm từ sự nhận thức hẹp hòi đã tràn lan ra khắp những người trong các nước Âu châu. Vì theo quan niệm của Phật giáo thì Thái dương hệ chỉ thể hiện cho một chấm nhỏ có thể thấy được trong không gian vô tận. Hơn nữa mỗi Thái dương hệ không phải chỉ là một hoàng cung trọn vẹn của một vị Chúa tể trị vì, bảo bọc và thông qua bởi hệ thống thống trị của một vị Trời. Và như vậy thì trong mỗi tiểu Thế giới, trung Thế giới và đại Thế giới đều có rất nhiều vị Trời để cai trị, thế thì sự phối hợp để tạo thành những vũ trụ có uy quyền, vượt ra ngoài vòng hiểu biết của nhân loại.

Người Phật tử không thể nào hóa giải được sự sự tạo tác không hoàn toàn trên thế giới của một đấng Chúa Tể hoàn toàn. Nếu cho một đấng Chúa Tể hoàn toàn và phần tử tại sao lại tạo ra một thế giới không hoàn toàn và đầy rẫy sự bất công, tàn ác đối với súc sanh và nhân loại. Còn nói có toàn năng toàn lực nhưng hoàn toàn bất lực vì loại bỏ ra những sinh vật bị đau khổ một cách độc ác về tinh thần lẫn vật chất, đối với Phật giáo sự ức đoán ấy là sự sai lầm và tà kiến (*micchadiṭṭhi*).

Không, nói như thế người Phật tử có quan niệm khác vì họ cho rằng "không có một đấng toàn năng toàn thiện và vị Chư Thiên đâu". Họ cũng nhận thấy rằng có nhiều vị Trời, nhưng các vị Trời ấy ở trong một phạm vi quyền lực của mình do phước lành cấu tạo ra họ mà thôi, chớ không phải là một đấng hoàn toàn.

Theo tôi cảm thấy và tóm lược cho rõ rằng "Trong vũ trụ có hằng hà sa số Thái dương hệ nhưng Thái dương hệ ấy phối hợp làm thành một đại thế giới trải ra khắp thập phương trong cõi hư không vô tận. Nhưng cuộc sống (*life*) hay là sinh vật, theo chúng ta hiểu thì không có trên các hành tinh khác, như trên hỏa tinh, vệ tinh, mộc tinh… của trong mỗi Thái dương hệ nhưng chỉ có trên quả Địa cầu (*earth*) của mỗi Thái dương hệ mà thôi. Như vậy mỗi Thái dương hệ khác cũng có quả địa cầu như chúng ta và các hành tinh khác cũng giống như của chúng ta vậy".

Ở đây, điểm quan trọng mà chúng ta ráng hiểu và nên nhớ là mỗi Thái dương hệ chỉ có một quả địa cầu mới có sinh vật mà thôi và đó cũng là luật cấu tạo và điều hành thiên nhiên của vũ trụ. Dĩ nhiên, nếu nói về sinh vật sống trên quả địa cầu của mỗi Thái dương hệ đều giống nhau như quả địa cầu này thì không thể được, bởi vì có những trường hợp và tình trạng cung cấp khác nhau như: bầu khí quyển, khí hậu, trọng lượng… có thể khác nhau. Về sự phát triển của khoa học cận đại, có thể làm các cổ giáo tổn thương và kinh sợ, có một lúc mà người Âu châu đã bám niếu, nhưng rất mau chóng bây giờ họ đã rời bỏ quan niệm cổ kính của các cổ giáo ấy. Do nhờ xuyên qua các khoa học gia đã khám phá ra sự thật, không phải do nhờ sự truyền thống của Thần giáo, nhưng do nhờ phòng khảo cứu, các ống thí nghiệm, các toán học, những kính hiển vi và những kính viễn vọng. Do đó mà họ càng xích lại gần Phật giáo hơn, chẳng những họ nhìn nhận mà còn quả quyết trong vài lãnh vực mà Đức Phật đã khám phá ra trước đây hơn 25 thế kỷ.

Cũng như các vật khác, Đức Phật có nói, như tinh thần vật chất và vũ trụ đều có liên quan đến định luật. Mặc dù chúng ta thường không thể nhận định được, như sự ngay tay ra hoặc co tay vô đều do vài định luật hành vi cả. Thật vậy, không có vật chi mà không có liên quan đến định luật, vì vậy mà Đức Phật có nói không do một vị Chúa Tể nào điều khiển mà do định luật vũ trụ của "Nhân và Quả" tạo tác trong khắp mọi nơi, dầu cho cõi ấy là vậy chất hay cõi ấy thuộc về tinh thần (*arūpabhava*). Đức Phật có giải duy trì sự điều hòa của vũ trụ phức tạp này đều phải thông qua sự hành vi của nhiều định luật khác nhau, mỗi định luật đều có năng lực hoạt động riêng của mình bằng cách này hay cách khác, tốt hay xấu đều theo căn bản định luật của vũ trụ theo lý "nhân và quả" là một trong năm định luật (*pañca niyāma*).

<u>Bây giờ giải thêm về năm định luật.</u>

Tuy đã có giải ở phía trước nhưng đây xin giải thêm có vài sự nhận thức của các học giả Âu châu. Những định luật thiên nhiên này không phải tạo ra hoặc để dưới sự điều khiển của một vị thần linh hay một vị chúa tể nào có toàn năng, toàn giác hay do sự vui thích của một Đấng tạo hóa. Nhưng nó chỉ là một định luật thiên nhiên, nó hoạt động một cách hòa điệu ăn nhịp với căn bản của nhân và quả.

Trước hết muốn giải thích và hiểu biết những nguyên tắc và căn bản này chúng ta nên biết qua một vài thí dụ: Như sự thông báo rằng "Đức vua đã đến". Bây giờ ta thử nghĩ đức vua chỉ đến có một mình, không có người tùy tùng hầu cận hay sao? Nếu suy nghĩ và ức đoán như vậy là sai lầm. Không hiểu rõ lời thông báo ấy. Một cách khác, cũng do sự thông báo ấy có người lại hiểu rằng "Đức vua đã đến với rất nhiều người tùy tùng hầu hạ để lo hành sự theo chức vụ của mình", sự hiểu biết như thế mới gọi là sự hiểu biết đúng đắn, rõ rệt lời thông báo.

Cũng như thế ấy, có rất nhiều sự ám chỉ bất ngờ, ngẫu nhiên để chúng ta tự hiểu cho đầy đủ ý nghĩa của một định luật nào trong năm định luật thiên nhiên ấy. Trước hết là:

1. *Utu niyāma* - định luật thời tiết (nóng, lạnh)

Như khi nắng, khi gió, khi mưa tự nhiên thay đổi mùa tiết hoặc có vài loại hoa nở trong mùa này không nở trong mùa kia, có thứ thì nở trái ngược lại. Như thế ấy nhiều loại trái cây trổ quả khác thời kỳ nhau, có thứ thì trổ sớm, có thứ thì trổ muộn, như vậy không phải do ý muốn hay tánh ngông cuồng bất thường của một nhân vật hay một vị Trời nào sai khiến.

Theo quan niệm cổ truyền thì mỗi bộ phận và mỗi tế bào phải nảy nở và phát triển theo mỗi loại của nó, theo quan niệm ấy thì bây giờ không còn thật sự nữa vì bác sĩ J.Leob và Yes Delage có dẫn chứng rằng: Có thể làm mọc lên ở chỗ nào có chân. Như tại Jurich (Thụy Sĩ) và Standfuss, chỉ thay đổi nhiệt độ trong phòng thí nghiệm mà họ có thể tạo được những mẫu của con bướm giống nhau của miền nhiệt đới và miền bắc cực. Như vậy do sự chế tạo của khoa học mà vật lý chung quanh có thể làm cho các bộ phận hay tế bào và các loại kiểu mẫu thay đổi được chớ không phải chỉ có sự truyền thống mới được. Chúng ta tự nhận thức sự kết quả của vật lý chung quanh (lạnh và nóng) trên cơ thể của con người và sinh vật. Một lần nữa ở đây xin xác nhận dưới sự điều hòa của phòng thí nghiệm do định luật thiên nhiên của lạnh và nóng mà có sự kết quả đến những bộ phận cơ thể của sinh vật.

Con người thường có tánh tình của mỗi người do hai yếu tố là: một là sự truyền thống (như các loại giống, mầm, tế bào), hai là do nhiệt độ lạnh nóng chung quanh nếu cho sự truyền thống chủng tử của cha mẹ mà không khác tánh tình thì họ dựa vào lý lẽ thứ nhì là do ảnh hưởng sự tiếp xúc nhiệt độ của sự lạnh sự nóng mà phát sanh ra khác nhau. Điều này cũng không hoàn toàn đúng vì điều trước

và điều sau, thường cũng xảy ra sự khác nhau về tánh tình và nhân vật. Rất nhiều bằng chứng để tỏ ra tính tình con người khác nhau trong khi sinh ra, dù cho trước khi chưa bị ảnh hưởng của áp lực chung quanh là thời tiết nóng lạnh.

Như chúng ta đã thấy, sự tiến triển của mầm, giống, hột chỉ do phương châm của vật lý mà thôi, đó chỉ là sự khởi đầu tiến triển của mầm, giống vậy thôi. Nhưng trường hợp vật lý đã gieo vào bào thai do cha mẹ cấu sanh thì phương diện tiến triển hết sức lạ của mầm giống về con người này. Yếu tố rất quan trọng ở đây không phải do sự phát triển về vật lý, nhưng mà tinh thần là sự sống linh hoạt của một cơ thể con người. Vật lý chung quanh chỉ có ảnh hưởng đến cơ thể vật lý mà thôi, nó không ảnh hưởng đến phần vô hình quan trọng của đời người.

Như vậy cái gì là phần vô hình quan trọng trong cơ thể? Cái gì làm cho sự hành vi và hạnh kiểm của họ nhiều cách khác nhau? Cái gì làm cho hưởng được một gia tộc hạnh phúc hơn những người khác? Phật giáo có giải: Tánh tình có thể chịu một phần ảnh hưởng của sự truyền thống cha mẹ hoặc một vài ảnh hưởng của thời tiết chung quanh như lạnh nóng, nhưng nó còn có một ảnh hưởng thứ ba quan trọng hơn là sự tiến hóa của cá nhân do sự hành vi thiện hoặc ác từ trong kiếp quá khứ, sự hành vi ấy đem lại sự vui sự khổ mà họ phải chịu trong đời này. Tất cả sự việc khác nhau này là do định luật nhân quả vậy.

2. *Bīja niyāma* - định luật về mầm, giống, chồi và tế bào

Những vật này nảy sinh ra cỏ, cây, trái khác nhau nhiều loại. Có thứ thì xuyên về hướng bắc, có thứ thì chiều theo mặt trời, có thứ mọc ngay lên, có thứ bò vòng theo cây khác, có thứ hình như có con mắt như trái dừa tỏ ra có tánh tình khác nhau của mỗi loại… Tất cả sự việc này đều do định luật thiên nhiên của giống, mầm, chồi, nó không có hành vi hay sản xuất theo ý muốn bất thường của một nhân vật hay một vị Chúa tể nào.

Nhưng trái lại khi chúng ta nói định luật thiên nhiên về mầm, giống thì cũng nên hiểu như chúng ta nói "Đức vua đã đến", câu này chúng ta tự biết rằng không phải một mình đức vua đến mà còn rất nhiều quan quân tùy tùng hộ vệ nữa như thế nào thì khi ta nói định luật về mầm, giống thì cũng phải có những vật phụ thuộc giúp vào như phải có đất, nước rồi nảy sanh ra cây lá bông trái… Có loại thích hợp với đất địa chỗ này, có loại lại không hạp mà thích hợp với chỗ kia. Có loại thích hợp với phong thổ thời tiết này, có loại lại không chịu được thời tiết ấy. Có loại thích hợp với phong thổ thời tiết ở Âu châu, có loại thì phù hợp với thời tiết Á châu… Hoặc mầm giống đã có điều kiện phong thổ thời tiết mùa màng đều phù hạp nhưng không có người cày người gieo thì mầm giống cũng không thể nào nảy nở phát triển được.

Bây giờ, tinh trùng và noãn châu của cha mẹ cũng thuộc về định luật mầm giống và tế bào, trong hai yếu tố này có sự truyền thống vật lý và ảnh hưởng chung quanh của lạnh và nóng đến sự hình thành của con cái. Nói về vật lý thì hình

tướng đứa trẻ thường giống cha mẹ, nhưng tính tình và cử chỉ khác hẳn, tất cả điều đó cũng do sự biến chuyển của thể chất và bất ngờ của dòng tâm thức thường gọi là đời sống. Thật vậy, ta có thể nhận thấy sự khác biệt của tánh tình và vật lý của nhiều loại sanh vật khác nhau như một cặp song sinh cùng một cha mẹ giống cha mẹ như khuôn đúc nhưng về tính tình khi lớn lên thì không giống nhau. Như một con chó nhỏ sanh ra bởi một giống chó săn và chó Ái Nhĩ Lan, nó không giống như con voi hay con thỏ, nó cũng không lớn lẹ như con voi hay chậm như con thỏ, nó cũng có bốn chân, một cái đuôi dài, hai lỗ tai, hai con mắt nhưng nó chỉ lớn lên theo hình thức của nó và khi nó lớn lên thật giống tính tình như các loại chó săn. Theo tân khoa học của phép tính số giải hiện tượng này rằng: Những đặc điểm khác biệt phát triển của con chó nhỏ là do nó mang theo một phần nhỏ vật lý về hai dòng máu của cha mẹ qua sự thay đổi làm lộn xộn chủng tử (*gene*) trải qua nhiều thế hệ rất lâu đời, cũng như nhiều loại sinh vật và thảo mộc cũng có thể thay đổi căn bản của nó. Sự này ngẫu nhiên trùng hợp theo kinh của Phật giáo như có một cây xoài có trái rất ngọt nhưng khi nó bị ghép và làm lộn xộn vào với loại khác thì khi có trái mới trở nên chua đắng. Thật vậy, nhà toán số về chủng tộc của Mỹ là ông H.Morgan vừa mới chứng minh điều này, khi ông sản xuất (trình bày) nhiều kiểu của trái cây thay đổi hương vị. Như luật thiên nhiên truyền thống vài loại hết sức là toán học như hột lúa sẽ sản xuất ra hột lúa gạo, cây mía sẽ sản xuất ra vị ngọt là đường.

Thật vậy khoa học còn đi xa hơn nữa là do sự thay đổi và làm xáo trộn những chủng tử mà có thể sản xuất và kết quả những loại khác. Thí dụ như con mèo giao tình với con thỏ sẽ sinh ra một loại gọi là thỏ mèo, nó không giống con mèo mà cũng không giống con thỏ. Hai loại tình nhân khác giống sẽ sản xuất một thứ gọi là "Interlocked - lai căn".

Ở đây, một lần nữa để xác định dưới sự điều kiện của nhà thí nghiệm Phật giáo về định luật thiên nhiên về mầm giống và tế bào cũng giống như phương châm của sự truyền thống dưới sự khám phá của các phòng thí nghiệm.

3. *Kamma niyāma* - định luật thiên nhiên về nghiệp báo hay nhân quả

Nghiệp báo chỉ cho chúng ta biết cách nào sự tích trữ, chất chứa hành vị thiện và ác trong quá khứ và sẽ đưa chúng ta đến sự vui hoặc khổ cảnh mà chúng ta có thể phải thọ lãnh trong một lúc nào. Đây là một vài thí dụ về nghiệp ác quá khứ trả quả khổ đau cho chúng ta thấy.

Như trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, có một con quạ bay trên mái nhà tranh đang bị lửa cháy vì bị gió cuốn luôn vô lửa nên con quạ phải bị chết cháy theo. Có một trường hợp khác, có một chiếc thuyền bị ngừng lại giữa bể khơi không thể di chuyển tới lui được, dầu cho những người thủy thủ cố gắng cho nó di chuyển. Trong thời đó, người ta tin rằng có lẽ trong thuyền này có người nào nhiều tội lỗi cho nên mới khiến cho con thuyền không thể di chuyển được một

cách kỳ lạ như thế. Người ta mới bày bắt số thì ba lần đều nhằm vợ của ông thuyền trưởng vì bà này trước khi xuống thuyền đã làm nhiều tội lỗi. Hết sức nài nỉ khóc lóc nhưng buộc lòng người ta phải bỏ bà xuống biển với một tấm ván, vừa bỏ bà xong thì con thuyền bắt đầu di chuyển như thường. Trường hợp thứ ba, có một vị tỳ khưu đang ở trong một cái động bị đá tự nhiên lăn xuống ngừng lại che lấp miệng động làm cho vị tỳ khưu bị nghẹt thở hàng bảy ngày. Tất cả những sự việc này, Đức Phật giải rằng, xảy ra đều do định luật của nghiệp và quả. Vì con quạ một tiền kiếp là một người nam có một con bò ngỗ nghịch không chịu nghe theo sự sai khiến của y như kéo xe…, y bèn đem rơm cỏ đốt con bò ấy đến chết, cái quả ấy y phải trả nhiều kiếp cũng bị chết cháy như vậy cho đến kiếp sanh làm con quạ cũng không thoát khỏi trả quả chết cháy ấy. Về bà vợ ông thuyền trưởng thì kiếp trước kia giận con chó rồi cột cổ nó với một nồi cát đem thẩy xuống sông cho nó chết, vì vậy y phải trả quả tương tự. Về vị tỳ khưu, có một kiếp nọ ông sanh làm một cậu trai thấy một con kỳ đà bò trông ổ mối, nó mới lấy cỏ lấp lại miệng ổ mối ý chơi nghịch và định ngày mai sẽ thả con kỳ đà ra, nhưng vì quên đi nên qua bảy ngày mới lại chỗ ấy và mở miệng ổ mối cho con kỳ đà ra, vì con kỳ đà không chết chỉ yếu đuối kiệt sức vì thiếu nước uống và vật thực mà thôi, vì vậy mà kiếp sau lên làm vị tỳ khưu cũng phải bị nhốt vào trong động bảy ngày nghẹt thở kiệt sức vì thiếu cơm nước, cũng như ông đã làm cho con kỳ đà trước kia vậy.

Nghiệp ác có thể đưa ta sanh vào gia đình thấp hèn như người cha say sưa, người mẹ dâm loạn phóng đãng, trong trường hợp như vậy thì nên tìm cách giúp đỡ cho đứa trẻ ấy được phát triển và tánh tình trong lúc còn thơ ấu. Như hột giống đã gieo xuống miếng ruộng xấu thì kết quả thế nào cũng không tốt, cũng như đứa trẻ đã sanh vào dòng ác xấu thì thế nào người con ấy cũng phải bị suy đồi nếu không tìm cách thân cận để sửa chữa cho phát triển tốt đẹp. Như thầy tốt không có gặp đúng lúc và trời mưa không đúng mùa tiết thì đứa trẻ và mùa màng ấy phải sụp đổ không sai. Cũng như thế ấy, nếu người nào có thể làm sự lợi ích của mình trong ngày vị lai cho đúng lúc như khi y phải làm điều gì cần phải làm xong cho kịp thời thì sự lợi ích ấy mới có kết quả tốt, còn như quên đi hay làm trong lúc không cần thiết thì không có kết quả tốt vậy. Như người nông dân, mặc dù trời mưa tốt, gieo giống đúng mùa nhưng gặt hái không được dồi dào là vì những công việc cần phải làm phụ thuộc như làm cỏ, bón phân… không làm lúc nên làm thì sự gặt hái không được đầy đủ. Cũng như nghiệp tốt sẽ đem lại kết quả tốt đẹp dồi dào khi nào những điều kiện phụ thuộc (như hằng nhớ đến sự lành đã làm ấy luôn luôn, cũng có đúng lúc đúng kỳ). Chính định luật thiên nhiên của nghiệp báo làm cho phát sanh tính tình, đặc điểm khác lạ hơn dòng giống ông bà và những sự phối hợp chung quanh.

Khi chúng ta quan sát về nghiệp báo xuyên qua một vài ánh sáng của sự tiến triển trong lãnh vực khoa học thì chúng ta có thể thấy rằng “Lý thuyết cổ truyền về vật

lý hoàn toàn lỗi thời vì họ cho đời sống chỉ là một sự sản xuất của vật chất mà thôi", lý thuyết ấy các nhà khoa học trứ danh của Âu châu và Mỹ châu đều bác bỏ từ lâu rồi. Lý thuyết của Darwinian về sự truyền sang bằng máy móc cho rằng tánh tình con người chỉ do tinh trùng và huyết thống của cha mẹ về vật chất mà ra, điều này hội đồng khoa học đã đánh ngã bác bỏ và không lâu họ đã nhận định vững chắc rõ ràng, khi họ phối hợp lại thai bào học và tâm lý học. Như vậy toàn vấn đề được giải quyết bằng cách phối hợp trong một bài toán về tinh thần và vật chất. Hai nhà khoa học Pháp và Đức là ông H. Bergson và Hans Driesch chỉ rõ về sự nhu cầu của vật lý học là phải họp lại với cái mãnh lực vô hình của tiền kiếp nó bắt buộc những nguyên tử vật lý phải tụ tập trung lại trong một kiểu mẫu hay cơ thể của thân thể con người. Như vậy bây giờ khoa học đã thừa nhận "Căn bản của sự tái sanh" là phải phối hợp lại "Tinh thần và vật chất" mới tạo thành ra một con người, hướng dẫn bằng trực giác của mình đã nằm sâu trong tiềm thức. Như con tằm tự đương lấy tổ kén hay là những con chim con tự trực giác của mình mà làm ổ thật khéo léo không cần đến sự chỉ dạy của cha mẹ chúng.

Như vậy chúng ta thấy, năng lực vô hình mà chúng ta gọi là con người thật gìn giữ bản thân này trong trật tự cho tốt đẹp càng lâu dài có thể được. Nếu thân thể mà không được toàn vẹn trong khi sanh, hay sau này thì đó cũng là do năng lực vô hình của nghiệp báo tạo nên, còn nếu bộ óc mà có bệnh hoạn là do sự không lành mạnh nếu không phát triển hay ngu ngốc. Và khi thân thể thôi không nhận lãnh sự toàn vẹn hay tàn phế thì năng lực vô hình phải đầu hàng vì thân thể ấy đã tàn phế. Bất luận hình thức nào của thân thể vật lý chỉ để phô diễn trung gian của sức lực vô hình và không biết được cái đó người khoa học Tây phương gọi là "đời sống và tâm thức" còn Phật giáo thì gọi là "nghiệp báo" vậy. Cho nên Đức Phật có nói mỗi chúng sanh đều có cái nghiệp là của ta, nơi trả quả cho ta, là thân quyến nơi sanh ta ra, nơi nương nhờ của ta. Chúng ta thấp hèn hay cao thượng khác nhau cũng đều do nghiệp báo cả. Tùy theo nghiệp báo khác nhau mà nảy sanh ra chúng sanh cũng khác nhau như người thì cao thượng, kẻ thấp hèn, người thì hạnh phúc, người lại khổ đau, người thì lịch sự, kẻ lại xấu xa, người thì giàu có, kẻ lại bần cùng, người thì mạnh khỏe, kẻ lại ốm đau, người thì danh vọng, kẻ lại vô danh, người thì đáng khen ngợi, kẻ lại bị chê bai khinh bỉ đều do nghiệp báo khác nhau.

Nhà báo học G. Grimm trong "Quyển giáo lý Đức Phật", ông có viết: "Không khó trong các trường hợp có thể chỉ sự kết hợp để làm cho phù hạp với tế bào mới khi có một sự chết xảy ra như: Người nào không có lòng từ mẫn, có thể giết người hoặc thú thì y tự đem theo trong tiềm thức một khuynh hướng về sự sống ngắn ngủi rồi. Y tìm sự thỏa mãn trong cách làm cho đời sống kẻ khác yếu tử thì tế bào ấy kết hợp với sự yếu tử ấy sau khi sự chết của y có thể bám níu vào với tế bào mới khác sẽ làm cho y bị thiệt hại của kết quả sau này. Như vậy năng lực

của tế bào nảy nở và cấu tạo ra hình thể con người luôn cả sự kết hợp với sự vui thích làm khổ hoặc làm tai hại kẻ khác".

Như trong trường hợp của người sân hận tự nảy sanh trong thân tâm mình một sự phối hợp của sự xấu xa cho một cơ thể và những căn nguyên tinh trùng kể từ đó nảy sinh ra lần hồi làm bộ mặt mình trở nên xấu xí do bởi đặc tính của sự sân hận. Còn người nào mà có tính ganh tị, bỏn xẻn, ngạo mạn thì tự nhiên trong thân tâm y có mang theo một khuynh hướng thù hằn, oán ghét mọi việc đối với những kẻ khác và khinh bỉ họ nữa, thì theo mầm giống ấy sẽ nảy nở trong sự thiếu thốn, nghèo khó đã phối hợp sẵn trong tâm y. Vì vậy mà có khi nguyên nhân ấy kết quả làm cho cơ thể thay đổi từ nam ra nữ được. Trong trường hợp A hàm có thuật lại rằng "Cô Gopikā là con gái của dòng Thích Ca, sau khi chết được tái sanh làm một vị Chư Thiên nam (*Gopaka devaputta*) bởi vì cô ta rất nhàm chán thân phận nữ lưu và đồng thời cô thỏa thích muốn được sanh làm nam giới".

Như có bài kệ về nghiệp báo như sau:

Do nghiệp báo mà thế giới chuyển động.
Do nghiệp báo mà nhân loại và súc sanh có liên đới.
Vì do sự liên đới ấy mà chúng sanh phải luân hồi mãi mãi.
Do nghiệp báo mà con người được sự vinh quang khen ngợi.
Cũng do nghiệp báo mà có kẻ phải làm nô lệ, suy sụp, bạo tàn.
Biết rằng nghiệp báo sẽ trả quả nhiều cách khác nhau.
Tại sao có người cho rằng "Trong đời này không có nghiệp báo?"

4. *Citta niyāma* - định luật về tâm thức

Định luật thiên nhiên về tâm thức này là sự phát sanh tư tưởng do hình thức như sắc, thinh, hương, vị, xúc và những tư tưởng nảy sanh ra từ bên trong của mỗi tâm thức, tùy theo căn bản của họ có.

Như họ có cảm giác đã từng kinh nghiệm từ trong kiếp quá khứ, những hy vọng, những sự ước muốn, những nguyện vọng mà họ nhìn đến để thực nghiệm trong kiếp vị lai luôn cả những biến chuyển khác lạ mà khoa học chưa phát minh ra được. Như sự huyền bí của năng lực vô hình mà do một vài người có được, do sự phát triển về tinh thần mà họ có thể thấy hoặc nghĩ được những hình và tiếng mà người thường không thể nghe thấy hoặc nói trước những biến cố sẽ xảy ra trong thời gian tới rất đúng.

Hơn nữa B.S. B.Rhine và một ban đang sưu tầm về năng lực của tinh thần (viết tắt là E.S.P. extra Sensory Perception) nơi trường đại học Duke của Huê Kỳ. Như ông Kant nói với chúng ta những sự bí ẩn của Thụy Điển và triết gia Swdenberg có một mãnh lực tinh thần có thể nói cho chúng ta biết lửa đang cháy cách đây 300 dặm Anh. Còn Phật giáo có đề cập đến 10 năng lực của tinh thần mà con người có thể đạt được do sự cố gắng để hiểu biết và tinh thông những khoa học

và nghệ thuật của Đông phương. Những năng lực đó trong Phật giáo gọi là “thần thông” (*iddhi*) về phép thôi miên cũng ở trong năng lực của phép thần thông này gọi là *vijjāmaya iddhi* - một tiềm tàng năng lực sẵn có trong con người do sự tích trữ của những hành vi trong kiếp quá khứ gọi là *kammaj iddhi* - như quyền lực của phi nhơn, Chư Thiên và năng lực bay lên hư không của loài gia cầm… đều ở trong năng lực này. Còn ông Dr.Khine thì cho những sự việc này do những sự kinh nghiệm mà ông xác nhận rằng “Loài thú vật cũng có mãnh lực của tinh thần như chim bồ câu có thể đem thư từ xa xăm rồi trở về không hề sai lạc”. Một năng lực khác sẵn có như những việc thiện trong quá khứ mà một người sanh trưởng trong một gia đình thật nghèo khó mà y sẽ trở nên giàu sang trong lúc gần già, sự ngẫu nhiên chứng tỏ cho ta thấy “Có vài việc lành trong sự ác xấu của chúng ta”, như trường hợp của một người sinh ra từ kẻ ăn xin mà sau lại trở thành tỷ phú, cái này gọi là *punniddhi* - năng lực phước báu.

Một biến cố hiếm có và rất quan trọng của năng lực có thể chịu đựng sự khổ và duy trì sự chết lại, như trong kinh có thuật lại một người phụ nữ đã chết mà còn thai trong bụng, khi sắp sửa thiêu xác cô thì nghe tiếng trẻ nhỏ khóc, người ta vội vã kéo tử thi ra coi thì thấy một đứa trẻ ở trong bụng mẹ vừa bể bụng banh ra nhưng đứa trẻ vẫn an toàn vô hại, lẽ dĩ nhiên những trường hợp như vậy thật là hiếm có, chỉ đặc biệt riêng cho những người có nhiều duyên lành có thể gần đến Niết-bàn. Thật vậy, đứa trẻ này sau trở thành một vị A-la-hán tên là Đại đức Sankicca. Hơn nữa có người có thể biến hóa nhiều nhân vật khác nhau như khi thì biến ra già lúc thì hóa ra trẻ, khi thì người này, lúc thì ra kẻ khác… cái này gọi là *vikubbānaiddhi* - có người thì dùng năng lực của tâm hóa ra người nữa giống hệt như mình, cái này gọi là *mano maya iddhi* - phân tâm thông.

Những tài năng bí ẩn thấy và nghe khác thường này mà ông Rhinne gọi là E.S.P. năng lực của tinh thần, còn Phật giáo thì gọi là “uy lực tự nhiên” của sự làm lành của chúng ta trong quá khứ, Đức Phật gọi uy lực đó là do sự tham thiền để phát triển cho tinh thần của mình. Như trong kinh Pháp cú có câu:

> “Tâm là pháp phát sanh lên trước hết các pháp, tâm là chủ, tâm là sanh sản ra mọi vật.
>
> Do tâm mà thế giới bị hướng dẫn và lôi cuốn mãi.
>
> Và chính con người là chủ của tâm”.

Nhưng có người tự hỏi, cái gì ngăn cản chúng ta trong sự phát triển những năng lực huyền bí sáng suốt ấy? Chính Dr. Rhinne cũng phải bối rối trong câu hỏi này và hiện giờ họ cũng tự hỏi cái gì hạn chế sự phát triển về năng lực phi thường này? Những ông Dich, Tom và Harry nói rằng: “Không thể phát triển nổi những năng lực phi thường nằm trong tinh thần con người trừ khi con người đã cố gắng trau dồi từ nhiều kiếp trước mới có thể phát triển tài năng phi thường theo ý nguyện”.

Hơn nữa, do 10 điều phiền não làm cho con người tối mê, nhơ bẩn che lấp không cho phát triển tài năng phi thường như: *sự tham lam* làm cho con người dính líu vào mọi vật và không cho các vật khác cao quí hơn; *sự sân hận* làm cho tối tăm mù quáng không thấy các việc khác tốt đẹp hơn; *si mê* là ngu xuẩn tối mê nên không thể thấy gì xuyên qua sự tối tăm ấy; *ngã mạn* là cho rằng "ta đây cao thượng hơn người" vì vậy nên không phân biệt được điều cao thượng hay thấp hèn của người khác; *tà kiến* là sự hiểu biết sai lầm lại cho là đúng và cố chấp vào sự hiểu biết ấy như người mù rờ vào con voi vậy; *hoài nghi* là không quyết định cái nào là phải cái nào là quấy, không phân biệt được giữa cái này và cái kia; *hôn trầm* là lười biếng uể oải của tâm làm cho buồn ngủ hôn mê tâm tánh; *phóng tâm* là tâm luôn luôn vọng động không ngừng nghỉ như đống tro bụi bị gió cuốn lên nó cũng làm cho tâm thần rối loạn không thấy sự gì rõ rệt; *không hổ thẹn tội lỗi* là không có sự hổ thẹn trong khi làm những điều tội lỗi như con heo nằm lăn trong sình trong vũng cũng không biết nhờn gớm; *không ghê sợ tội lỗi* là dầu khi làm tội lỗi nào cũng không có lòng ghê sợ hậu quả, liều lĩnh làm càn như người mất trí. Mười điều phiền não trở ngại này nếu nói tóm lại thì có năm loại: *sự tham lam hay tham dục trong ngũ trần* làm cho con người tối mê không thấy cái chi cho rõ rệt, chính pháp này làm cho con người đi sai lạc căn bản đầu tiên của tinh thần cao cả của người tham thiền và nó sẽ dắt đưa con người đến sự mưu mô, xảo trá lừa dối kẻ khác, sau cùng họ sẽ mất khả năng cao quý rõ rệt, vì vậy mà Đức Phật thấy xa nên cấm các hàng đệ tử không cho dùng những thần thông trong chỗ quần chúng công cộng do sự tham vọng; *sự sân hận* sẽ làm cho con người bị khích động trong khi dùng tâm lực thôi miên có thể làm hại kẻ khác vì lòng thù oán; *hôn trầm* là lười biếng, hôn mê, buồn ngủ làm cho không tiến hành được việc gì; *phóng tâm* làm cho phóng dật bồi hồi bứt rứt do sự hành vi sai quấy hay luyến tiếc việc phải làm mà không làm; *hoài nghi* là sự ngờ vực không hiểu rõ rệt điều gì, luôn luôn mong sự giải thích của kẻ khác, chỗ này ông Rhinne nhận thấy tình trạng ngờ vực ấy sẽ đánh dấu hạng người rất thấp hèn vậy. Năm pháp này thường được gọi là pháp che lấp, pháp chướng ngại hay là pháp cái, có năng lực ngăn cản thiền định không cho phát triển để thấy rõ mục tiêu, cũng như hai chuyến xe lửa chạy đua song song với nhau trong một chiều. Như trong sự biến chuyển "không có gì phải thấy hoặc không có gì phải làm". Như ông Condorcet thức hằng mấy giờ để làm một bài toán mà không xong, nhưng khi ngủ trong giấc chiêm bao lại tự giải đáp được. Trong Phật giáo, khi tâm được yên nghỉ xong có thể kiểm điểm lại những sự hành vi hay kinh nghiệm của mình những gì khó khăn không giải được trong lúc còn thức. Như khả năng biết được tâm của kẻ khác xa từ ngàn dặm hoặc tạo ánh sáng trong chỗ tối tăm, bất cứ điều phi thường này phải đòi hỏi con người có một tinh thần hoàn toàn được phát triển.

Theo tốc lực của ánh sáng thì như chúng ta biết có đến 186.000 dặm Anh trong một giây đồng hồ. Như vậy tốc lực của tâm như thế nào? Tốc lực của tâm thì vượt qua cả thời gian lẫn không gian, vì tốc lực của tâm thì vô lượng không thể biết được. Vấn đề này có nêu rõ trong câu chuyện Đức vua Milinda hỏi vị Na Tiên tỳ kheo. Tôi xin thuật lại vắn tắt như sau. Tỳ khưu Na Tiên nói: "Tâu Đại Vương, vậy chớ từ đây đến đô thị Alexandre trong bao xa?" – Đức Vua Milanda trả lời: "Hai trăm dặm?" – "Vậy Đại Vương nhớ lại vài việc làm ở đó coi." – "Trẫm nhớ rồi." – "Vậy Đại Vương đã đi đến đó 200 dặm quá lẹ", rồi ngài hỏi tiếp: "tâu Đại Vương như đô thị Kasali cách đây 200 dặm nơi mà Ngài sanh trưởng và xứ Kashmir chỉ cách đây 12 dặm vậy nơi nào xa hơn nếu ngài nghĩ đến?" – "Hai nơi nếu suy nghĩ thì cũng đồng một thời gian như nhau." – "Tâu Đại Vương tâm thức cũng nhanh lẹ như vậy."

Hơn nữa ví hai con chim bay trên hư không sẽ đậu vào nhánh cây, một con bay cao, một con bay thấp, khi đậu vào cành cây cũng trong một lúc, con đậu nhánh cao, con đậu nhánh thấp nhưng bóng của chúng đều đến mặt đất một lượt như nhau, cũng giống như hai người ở đây cùng chết một lượt, một người thì sanh về cõi Phạm Thiên, một người nữa thì sanh ra trong xứ Kashmir này, nơi xa cách tuy khác nhau nhưng cũng đồng sanh trong một lúc như nhau, như vậy thật không biết được tốc lực của tâm. Dr. Rhinne có xác nhận rằng "Mãnh lực của tâm có thể xuyên qua thời gian và không gian thật mau lẹ". Do nhiều sự kinh nghiệm với một gói lá bài để cách khoảng nhau mà Dr. Rhinne khám phá ra sự xa cách của thời gian và không gian có trở ngại cho khả năng tư chất để thấy, nghe và biết được những biến cố xảy ra từ xa xăm mà cơ quan thông thường không thể biết được. Ông Dr. Rhinne còn nói sự gieo con xúc xắc (6 mặt) cũng có ảnh hưởng của tinh thần làm cho kết quả theo ý muốn. Năng lực vật lý mà tinh thần có được đó gọi là "P.K. Psycho kinesis" động lực học. Như lấy một đề mục nhìn thẳng vào lá bài với sự gom cả tinh thần suy nghĩ trong khi ấy người khác lãnh lấy cảm tưởng ấy, Dr. Rhinne dám quả quyết rằng "thần giao cách cảm" ấy có thể chuyển từ đề mục này sang qua đề mục khác được.

Về lý thuyết, thần giao cách cảm làm cho người ta hỏi tới vấn đề chiêm bao, Chư Thiên và các phi nhơn vô hình khác vậy chớ những vật vô hình ấy có ảnh hưởng chi đến nhân loại không? Về vấn đề này người Tây Âu chỉ cho là "nhân vật thần thoại" mà thôi. Nhưng Phật giáo nhìn nhận những nhân vật vô hình ấy là một cảnh nào trong 31 cảnh của chúng sanh đi tái sinh. Những nhân vật này cũng có ảnh hưởng đến nhân loại. Sự ám chỉ này chỉ nhìn nhận của sự hành vi "tinh thần trong tinh thần" và có thể chứng minh một cách rộng rãi. Như người ta nói cà lăm, ấp úng khi nằm chiêm bao thấy mình nói cà lăm càng xấu tệ hơn, hoặc nằm mộng mị xấu xa thì ngày sau tánh tình không được vui vẻ. Có vài sự mộng mị làm ảnh hưởng sâu xa cho đến suốt đời người như có một người bị ảnh hưởng của chiêm bao mà bỏ nhà cửa đi mất, có người lại sửa đổi tánh tình sau khi nằm

chiêm bao, có người ngủ mà vẫn đi như thường (mộng du). Thật vậy, theo khoa học Tây Âu đi đã xa mà bây giờ họ có thể đo lường được trọng lượng và luôn cả chụp những tư tưởng ngấm ngầm bên trong. Như giáo sư Baradue có dẫn chứng một sự thí nghiệm, ông ta hướng dẫn với một cây gậy mà tinh thần có thể ghi qua lắng sóng tư tưởng được ghi vào băng. Ngồi trước dụng cụ mà ông đã chế tạo ra là "cây gậy làm cho thấy rõ hình ảnh của tinh thần" (Electro Encephalagraph) rồi định thần trên cây gậy với tất cả năng lực mà y có thể sai khiến và chiếu nó vào trong kiếng chụp hình. Kế đó không lâu, khi khui kiếng ấy ra, thì hình cây gậy hiện ra giống hệt trên kiếng hình (cây gậy thiệt thì không có trong vòng kiếng hình ấy). Những tin tức khác nhau có thể thâu vào một cách rõ rệt, cao hay thấp được phát ra rất nhiều lần của sự rung động khi người đến gần máy dụng cụ bén nhạy của ông giáo sư Baradue. Bây giờ chúng ta có thể xác nhận sự tương đồng của P.K. và P.A. (Psi ability) với thần thông (*iddhi*) trong Phật pháp như phương ngôn mà ta thường dùng là "Hoa hường dầu gọi là tên khác đi nhưng mùi thơm vẫn là hoa hường".

Như vậy ở đây một lần nữa khoa học lại chứng minh kiến thức của Phật giáo về tinh thần là tột đỉnh, tất cả mọi việc được phối hợp và có thể hành vi qua tất cả sự biến hóa.

Với sự hiểu biết rõ ràng về năng lực và ảnh hưởng của tâm linh thì không có thể lý luận cho rằng "dòng tư tưởng của tâm, càng nhiều năng lực lại có thể bỏ được khi nó đang tiến hành hoặc ăn sâu vào những tế bào rồi cũng như cử chỉ và ấn tượng đã để lại trên dụng cụ bén nhạy để thu hình". Người ta không thể ngạc nhiên khi dấu hiệu và tánh tình ngày càng trội hơn đã truyền xuống bằng cách này từ thế hệ này đến thế hệ khác, khởi sự tự mở ra càng sẵn sàng và dễ dàng hơn kẻ khác và sự sống làm cho nó tiến hóa lạ thường trong bụng mẹ. Như vậy những khuynh hướng truyền thống và đặc sắc của vật lý có thể mang qua từ đời này đến đời khác và bỏ lại những điểm bí mật trong cơ thể mới lúc tái sanh. Cũng như người con không giống cha hay mẹ, nhưng lại giống ông nội hay ông cố, ông sơ… điều đó thật không có chi là ngạc nhiên cả. Như tinh thần còn có thể bỏ lại dấu vết của nó trên cơ thể vật chất bằng sự biến cố xảy ra trong hiện tại do sự chứng minh rộng rãi. Như chúng ta biết, có một số phụ nữ, nhứt là những người có chồng lâu mà không có con, cầu nguyện với thần Ganesh cho được sanh con và khi sự ước nguyện thành tựu thì đứa con sanh ra lỗ mũi giống cái vòi con voi (giống hình vị thần ấy mình người đầu voi), lý do lạ lùng này là vì vị Thần thờ đó mặt như Chư Thiên mà mũi lại giống như cái vòi voi, đặc điểm này đã in sâu vào tinh thần người mẹ khi mang thai cho nên khi sinh đứa con ra cũng giống như vậy. Như chúng ta được nói lại, những đứa trẻ như thế ấy ít còn sống sót được. Như chúng ta biết có một số phụ nữ thờ hình treo trên tường hay đầu giường hình tốt đẹp hoặc cảnh, tự nhiên những ảnh hưởng ấy làm cho các đặc sắc của hình tượng đó trong khi sanh đứa trẻ ra sau này cũng giống những đặc

điểm về vật chất ấy. Như vậy thì ảnh hưởng về hình ảnh của thần giao cách cảm và thôi miên có thể truyền sang qua bởi phương pháp của sự gom tinh thần trên sự cấu tạo về vật chất của đứa trẻ. Thôi miên học cung cấp cho chúng ta một dịp để học hỏi sự biến chuyển dưới điều kiện thực hành thử coi. Như hiện giờ một phương cách của phép trị bệnh bằng thôi miên mà phần đông các hội y học trên thế giới chánh thức nhìn nhận. Thật vậy, sự kinh nghiệm về y học dưới sự thôi miên hiện nay giúp khám phá ra những hành vi bí ẩn của tinh thần trên cơ thể vật chất này cũng giống như sự khuyên nhủ của những người phụ nữ cầu nguyện với thần Ganesh làm cho sự phản ứng vật lý có thể thành đạt được với phương châm vật lý. Khi tâm được kiểm soát đầy đủ như trong trường hợp của sự kinh nghiệm về thôi miên bất luật sự khuyến nhủ nào có thể làm trong sự tin cậy rằng: Tâm linh của đề mục sẽ áp dụng được. Điều hết sức ngạc nhiên là chẳng những tinh thần phải nghe lời theo ta mà còn thể chất này cũng hưởng ứng theo luôn. Điều này có thể chứng minh như ý nghĩ đốt trên da thịt ai một chỗ nào thì chỗ ấy liền hiện lên một dấu cháy xem y như ngay chỗ chỉ định.

Còn nhiều trường hợp tương tự, như giáo sư Gates chứng minh những điều kiện trong phòng thí nghiệm cách nào tinh thần cơ thể ảnh hưởng đến thể chất dầu cho người đã trưởng thành. Ông thấy sự thay đổi của tinh thần về tánh tình y học của sự toát mồ hôi, như để cho một người đang cơn giận thở vào trong ống thí nghiệm trong năm phút khi nguội và đặt lại thì thấy có một chất nâu, chất này có mãnh lực vô cùng độc, còn khi để cho người vì buồn phiền thở vào thì có một chất xám xanh… Một cậu bé 16 tuổi có da dày và xám, người ta gọi nó là “Thằng Voi” được chữa trị hoàn toàn lành bịnh bằng cách thôi miên. Mô tả sự chữa trị này trong tờ nhựt báo British Medical do ông Dr. Mason trị cho tại dưỡng đường Queen Victoria thuật lại rằng: Từ da dày xám đen trở nên hồng hào và mềm mại trong vòng 10 ngày và 10 ngày ấy cánh tay từ vai ra đến bàn tay hoàn toàn tốt đẹp trong trắng. Tất cả điều này chứng tỏ rằng “căn bản vững chắc của đời sống chúng ta là cảm giác, suy nghĩ và ước nguyện đều là những tế bào có thể làm cho hệ thống nội tạng của những hạch (gland) và cơ quan trong thân con người có liên quan đến. Về tánh tình y học có chỉ cho ta cái kết quả của tư tưởng do nước của các hạch tiết ra trong suốt đời sống của chúng ta. Sự bất đồng tư tưởng quyết định sự bất thường làm đảo lộn trọn sự quân bình của đời người và khuấy rối những hành vi của cơ quan trong thân thể. Khoa học chứng minh như Đức Phật có dạy rằng “Chúng ta là kết quả của tư tưởng chúng ta”. Thật vậy, khi sự vái van cầu khẩn cho phục hưng lành mạnh lại thì phải cần trong thời gian lâu mới lành mạnh vì trong lúc ấy chất nước trong những hạch biến chuyển thay đổi do phản ứng của y khoa, thì sự ước nguyện mới kết quả. Nhưng về những vị Trời không thể trả lời được bằng cầu nguyện như vậy vì không thấy có vị Trời nào phục hưng lại sau sự cưa tay, chân hay một ngón tay được do người cầu nguyện.

Còn nói về sự "tiên tri" thì sự này có thể được vì sự bền lòng trong những bộ phận của lắng tư tưởng khác nhau mà có thể giải quyết được nhiều sự thay đổi của người "tiên tri - seer". Tinh thần của người tiên tri không phải hoạt động trong phạm vi nhỏ hẹp tầm thường như tinh thần của người thường nhân cũng như người dùng hai máy thu thanh ở cách xa ngàn dặm mà tiếp được tin tức nhau liền – nếu không nhờ sự truyền tin bằng vô tuyến ấy thì con người có thể chờ đến già mới được tin do người đi bằng thuyền đến, cũng như thế ấy người "tiên tri" tinh thần họ hoạt động trong phạm vi khác nhau do nơi sự rung động nhiều lần liên tục như chất "tinh khí – ether" vẫn có nhưng con người chưa khám phá thấy được. Cũng như người đứng trên một chỗ nào cao có thể thấy rất xa cảnh vật chung quanh mình nhiều hơn người đứng dưới thấp. Cũng như thế ấy người "tiên tri" tinh thần họ được sáng suốt nên họ có thể thấy xa như vậy. Trước khi mãnh lực phi thường nào được sử dụng thì đồ dùng trong phòng thí nghiệm tinh thần cho trong sạch cũng phải làm xong trước.

Có vài quan niệm cho rằng làm thế nào mà tinh thần hoạt động trong làn sóng xa vời khác nhau có thể biết được, điều này rất dễ là muốn quan sát thì nên quan sát qua tư tưởng chiêm bao. Bây giờ một tư tưởng chiêm bao rõ rệt là lâu với người đang nằm chiêm bao nhưng thật ra nó chỉ ở trong vài giây đồng hồ mà thôi. Sự này rất rõ rệt là có người khi nghe tiếng nói đầu tiên của một câu chuyện rồi ngủ quên và chiêm bao thấy trong chiêm bao thật dài, nhưng khi thức lại thì câu chuyện thuật lại chưa chấm dứt. Thật vậy tư tưởng trong chiêm bao có thể đi vòng quanh thế giới như ghé Bombay, Cairo, Aden London, Rome, New York… và trở lại chỗ cũ như trước, trước khi mặt trời mọc. Một cách khác, một chiếc Jet phản lực cơ mau nhất biểu diễn như trên phải mất một thời gian thật lâu mới xong. Như vậy chúng ta ráng tìm hiểu sự nhạy bén của khả năng tư tưởng của chúng ta trên lãnh vực tâm lý khác nhau và người ta có thể vượt qua lãnh vực trí tuệ mà lý luận không thể nào hiểu được. Đó là người có tâm linh đạt đến mức siêu phàm.

Đức Phật có nói, không có cái gì thay đổi lẹ làng như tâm thức và cũng không có cái để so sánh sự biến chuyển mau lẹ của tâm. Điều này chúng ta có thể biết được bằng tự kinh nghiệm lấy mình – cũng như tôi đã có chỉ ra, con người có thể chiêm bao thấy không biết bao nhiêu việc trong một giây đồng hồ hoặc đi vòng quanh thế giới rồi trở về trong vài phút. Dầu cho phi cơ Jet siêu nhanh nhất trong thời đại cũng phải mất ít nhất trong mấy ngày, trong khi tâm thức thì không có giới hạn với tinh thần giải thoát.

Tất cả những điều mà tôi giải ra đây đều nằm trong định luật của tâm thức mà Đức Phật đã dạy (*citta niyāma*).

5. *Dhamma niyāma* - định luật về qui phạm hay pháp

Như trong định luật này giải về sự động đất rung chuyển vũ trụ hoặc sự lạ lùng khác phát sanh lên khi một vị Bồ tát lâm phàm giáng sanh vào lòng mẹ, khi đắc Vô thượng Chánh giác, khi chuyển pháp luân lần đầu và khi ngài nhập Niết-bàn… và như luật nhẹ bay nổi lên còn nặng chìm rớt xuống…

Những người tin vào đấng tạo hóa và tạo vậy không hiểu biết được những nguyên chất (element) của đất, nước, lửa, gió mà Đức Phật đã dạy. Các chất ấy làm việc phối hợp chung lại để gìn giữ cho năm định luật của vũ trụ mà chúng tôi đã giảng giải. Tuy nhiên chỉ có một số người rất ít về minh sát tuệ hoặc tư tưởng sâu xa của ít người Âu châu cố gắng tìm hiểu định luật mà làm cho vũ trụ điều hòa.

Những người này dầu không có tin "đấng tạo hóa" hoặc họ ở trong sự hoài nghi của những sự tin tưởng được truyền cho họ. Và thông qua sự sưu tầm mà họ chẳng những đi vòng quanh thế giới mà còn lên đến cung trăng. Thật vậy con người đã khởi sự hiểu biết năng lực thiên nhiên của vũ trụ rõ rệt mà họ có thể còn muốn nhìn xem sự hành trình lên Hỏa Tinh và Kim Tinh. Mặc dù họ đạt được kết quả hay không, đó là một việc sau này sẽ biết được. Điều quan trọng đó là một việc hết sức khó khăn mà họ tin tưởng rất dõng mãnh, như người tin vào đấng tạo hóa mà họ có thể hoàn tất được khi họ càng ngắm nhìn vào, nhưng họ không dám tự phụ xen vào với vũ trụ với sự tạo tác của họ. Vì sự phức tạp về sự thăng bằng của sức lượng của những ngôi sao hay những hành tinh vì tất cả đều phải làm việc hòa hợp và cộng tác hoàn toàn.

Theo thời trung cổ, ông bà chúng ta lấy làm lạ về sự vĩ đại của vũ trụ mà họ đang ở, làm cách nào mà nó còn sanh tồn hoài, thế nào mà có chúng sanh đến ở, cây cối sống theo thứ lớp của nó, gió thổi bốn mùa, làm sao nó lại trở nên lạnh nên nóng… Có vài người thì tin rằng đó là do sự hành vi của "thần Mặt trăng", người khác lại cho là do sự hành động của "thần Mặt trời", có người lại nói đó là do nơi "thần Gió"… Cuối cùng, không có sự tin tưởng nào làm cho con người vừa lòng rồi họ đặt sự cầu van và trách cứ trên một nhân vật gọi là "Đấng Chúa Trời cao cả" hay là "Đấng tạo hóa". Dầu họ đặt sự tin tưởng vào Đấng Chúa Trời cao cả nhưng họ cũng không thỏa mãn sự giải quyết về sự rắc rối của đời sống con người. Hình như có sự bất công trong đời sống của nhân loại vì vậy mà họ dám đổ thừa cảnh cáo đến thần gió và họ cũng loại bỏ ra ngoài những vị thần mà họ tưởng tượng đến. Họ trọn vẹn lựa theo định luật mà họ đã có trong tay và thấy rõ sự không đúng của sự bí mật và những huyền bí của vũ trụ xuyên qua sự cố gắng của mình.

Sự việc này Đức Phật có nói thí dụ về Đấng Trời tạo hóa và những đau khổ của nhân loại rằng "Người có trí tuệ thấy rõ hơn người có con mắt đau (là kém trí tuệ), tại sao vị Trời Phạm Thiên hay Đấng Tạo Hóa không tạo ra chúng sanh cho đúng đắn hoàn toàn?". Nếu Ngài có quyền năng rộng lớn vô hạn tại sao không đưa tay ra tế độ chúng sanh? Tại sao nhân loại lại bị trừng phạt đau khổ? Tại sao

ông không ban hạnh phúc cho họ? Tại sao sự xảo trá, láo khoét và ngu xuẩn lại thạnh hành? Tại sao sự thắng kẻ giả dối, chân thật và sự công bằng lại bị thất bại? Vị vậy mà tôi cho Trời Phạm Thiên tạo hóa bất công đối với chúng sanh và Ông tạo ra thế giới này với nơi trú ẩn sai lầm "*bhuridatta jātaka*".

Đức Phật lại giải thêm: Nếu có vài nhân vật có toàn quyền toàn năng làm đầy đủ cho chúng sanh hạnh phúc hay đau khổ và hành vi thiện hoặc ác thì nhân vật ấy lẫn lộn với tội ác vì con người làm theo ý muốn của ông ta (*mahābodhi jātaka*).

Như vậy những người thích theo khoa học thì Phật giáo là thông điệp không có chống đối xung đột với người đang tìm theo sự thật của khoa học. Vì Phật giáo rất thích hợp với khoa học hiện đại, cũng khảo sát sự việc và chứng nhận sự kết quả.

Dr. Rhinne và nhiều người khác như ông đang theo đuổi sự tìm kiếm về lãnh vực "tinh thần siêu diệt" sẽ tìm thấy trên giáo lý của Đức Phật theo ý muốn của họ, vì khi giải thích sự phức tạp của năng lực thăng bằng trong vũ trụ, Đức Phật không cần đến các vị Trời ban hạnh phúc cho chúng và những người theo gương và giáo lý của Ngài không cần vài sự mơ hồ sau này về một cõi thiên đàng tưởng tượng của một Đấng Trời Tạo Hóa – nhưng đúng thỉnh thoảng ngay bây giờ. Vì vậy Đức Phật có danh hiệu là "Thầy cả Chư Thiên và nhân loại". Tuy vậy, những người tin theo nhân vật của "Đấng Trời tạo hóa" có thân hình và ngũ quan hay không, nhưng năng lực huyền bí không biết được của bản chất thiên nhiên người Phật tử không cần cãi cọ đến. Vì như chúng ta đã thấy và tin cái thế giới của tinh thần và vật chất hiện tại đang hướng dẫn và điều hòa chẳng phải chỉ có một năng lực như vậy đâu mà còn có cả năm định luật thiên nhiên khác nữa phụ trợ.

Sau cùng, tôi xin nhắc lại độc giả một lần nữa là năm định luật thiên nhiên (*pañca niyāma*) hướng dẫn hay thống trị thế giới bên trong và thế giới bên ngoài mà chúng ta đã bàn luận tóm tắt trong quyển kinh nhỏ bé này nó làm việc biến chuyển theo hệ thống của "Lý nhân quả" và có liên hệ với nhau như người ta đã báo tin rằng "Đức vua đã đến" vậy.

Soạn xong tại Kỳ Viên tự, rằm tháng Chín – mùa thu năm Nhâm Tý nhằm 21/10/1972

– Dứt tác phẩm 19. Định luật thiên nhiên của vũ trụ –